



Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà mẹ ông D tại Kxx/Hxx/1x đường Q, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Vợ chồng sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do ông D thường xuyên uống rượu say, hù dọa, xúc phạm danh dự và thô bạo với bà, bà B đã nhiều lần tha thứ, nộp đơn ly hôn rồi rút đơn ly hôn, cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng ông D không thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Từ đầu năm 2024, bà B và con nhỏ ra ngoài thuê nhà để sinh sống, không ai quan tâm gì đến ai, Nay bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông D.

- Về con chung: Bà Trần Thị B xác định bà và ông Lê Thanh D có hai con chung tên là Lê Thanh Gia H - sinh ngày 09 tháng 4 năm 2013 và Lê Thanh Khôi N – sinh ngày 16 tháng 02 năm 2018.

Hiện nay cháu H đang sống cùng ông D, cháu N đang sống cùng bà B, vì vậy, ly hôn thì bà B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Thanh Khôi N, giao ông D trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Thanh Gia H đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị B xác định bà và ông Lê Thanh D không có tài sản chung, nợ chung.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông Lê Thanh D đến Tòa án để lấy lời khai, Mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông D đều không có mặt và không có lý do về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị B đối với ông Lê Thanh D; Về con chung: đề nghị giao con chung Lê Thanh Khôi N – sinh ngày 16 tháng 02 năm 2018 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Lê Thanh Gia H - sinh ngày 09 tháng 4 năm 2013 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào;

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà B phải chịu theo qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị B và ông Lê Thanh D có cư trú tại địa chỉ Kxx/Hxx/1x đường Q, phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, do đó, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Lê Thanh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là ông Lê Thanh D.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B và ông Lê Thanh D kết hôn vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Số 993/2012 ngày 13 tháng 8 năm 2012), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nay bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông D.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình tố tụng ông Lê Thanh D vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông. Tuy nhiên, căn cứ vào lời trình bày của bà B thì vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn đã nhiều năm nay, bà đã làm đơn ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn ly hôn, muốn tạo điều kiện để ông D thay đổi bản thân, tuy nhiên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không thể hàn gắn được. Nay bà B xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông D. Lời trình bày của bà B phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương là: giữa ông D và bà B có mâu thuẫn, tổ dân phố đã nhiều lần khuyên nhủ để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái. Bản thân ông D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng nhưng ông vẫn không đến tòa án để tham gia hòa giải, chứng tỏ ông D cũng không tha thiết đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nếu kéo dài cuộc sống hôn nhân của bà B và ông D như hiện nay thì sẽ không đạt được mục đích hôn nhân hạnh phúc, nên căn cứ các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Trần Thị B đối với ông Lê Thanh D là phù hợp.

2.2. Về con chung: Bà Trần Thị B xác định bà và ông Lê Thanh D có hai con tên: Lê Thanh Gia H - sinh ngày 09 tháng 4 năm 2013 và Lê Thanh Khôi N –

sinh ngày 16 tháng 02 năm 2018. Vì từ khi ra ngoài sống đến nay, bà B có dẫn theo cháu N, còn cháu H vẫn ở cùng ông D, nên ly hôn, bà B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Thanh Khôi N, ông D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thanh Gia H cho đến khi đủ 18 tuổi. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Xét yêu cầu nuôi con của bà B thì thấy: Cháu H hiện nay đang sinh sống cùng cha là ông D, cháu N hiện nay đang sinh sống cùng mẹ, nguyện vọng của cháu H hiện nay cũng muốn được ở với ba. Bản thân ông D vắng mặt tại Tòa án trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến về việc nuôi con. Qua xác minh tại địa phương thể hiện bà B đem cháu nhỏ ra ngoài sinh sống cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải thay đổi cuộc sống, sinh hoạt hiện nay của hai cháu nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà B, giao cháu Khôi N cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Gia H cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: bà B cho rằng mỗi người nuôi một người con nên không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào, tại phiên tòa hôm nay, ông D vắng mặt, xét nguyện vọng của bà B là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị B xác định bà và ông Nguyễn Thanh D không có tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông D vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà B phải chịu: 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B về việc: “Ly hôn, nuôi con” đối với ông Lê Thanh D.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Bà Trần Thị B được ly hôn ông Lê Thanh D.

2. Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị B xác định bà và ông Lê Thanh D có hai con tên: Lê Thanh Gia H - sinh ngày 09 tháng 4 năm 2013 và Lê Thanh Khôi N – sinh ngày 16 tháng 02 năm 2018.

Xử: Giao con chung tên Lê Thanh Khôi N cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Lê Thanh Gia H cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị B phải chịu, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình bà Bé đã nộp theo biên lai thu số 470 ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà B đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thanh Anh**